

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,292.68	-0.10	-5.42	-2.66
HNX	315.76	0.96	-13.69	-0.66
UPCOM	95.45	-0.28	-8.50	7.52
MSCI EM	1,065.09	2.10	-1.03	-22.61
NIKKEI	27,279.80	-0.33	1.61	-5.48
HANG SENG	21,324.29	0.95	1.11	-26.85
KOSPI	2,685.90	0.61	-0.34	-16.17
FTSE	7,624.00	0.31	1.05	8.56
S&P 500	4,158.24	2.47	0.64	-1.09
NASDAQ	12,131.13	3.33	-1.65	-11.77

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.89	2.18	15.94
SET INDEX	18.40	1.21	9.20
JCI INDEX	16.83	2.17	13.10
PCOMP INDEX	19.40	1.66	8.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.37	0	26	123
10 năm	3.13	0	14	85

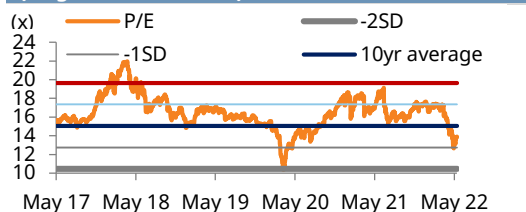
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,195	-0.05	-0.98	-0.63
US\$/KRW	1,238	0.13	2.26	-10.25
US\$/JPY	128	-0.13	1.89	-14.22
US\$/EUR	0.93	0.33	-2.21	13.79
US\$/GBP	0.79	0.18	-1.09	12.54
US\$/SGD	1.37	-0.17	1.24	-3.48

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	538	593	971
HNX	77	69	131
UPCOM	36	30	74

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Lực cầu tốt giữ vững VN-Index

Đà tăng điểm của VN-Index tạm dừng khi chỉ số chịu áp lực chốt lời sau 6 phiên tăng điểm liên tục. Ngay đầu phiên, lực bán mạnh chốt lời khiến VN-Index giảm sâu và có thời điểm rơi gần 13 điểm – vùng giá giảm sâu nhất trong ngày. Tuy nhiên lực cầu mạnh đóng vai trò tích cực nhanh chóng được đẩy vào và kéo chỉ số phục hồi trong ngày. Xu hướng này thể hiện rõ nhất vào thời điểm đầu mỗi phiên sáng và chiều. Đóng cửa phiên hôm nay, VN-Index dừng tại 1.292 điểm, gần như đi ngang khi chỉ giảm 1 điểm, tương ứng 0,1% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 16.108 tỷ đồng, HNX: 2.064 tỷ đồng, UPCOM: 1.338 tỷ đồng.

Phiên giao dịch đi ngang với số mã giảm giá (298) gần gấp đôi số mã tăng giá (147). Đáng chú nhất trong phiên hôm nay phải kể đến nhóm Phân bón, Hóa chất và Dầu khí, khi cổ phiếu các nhóm này đồng loạt tăng mạnh khi giá dầu vượt ngưỡng \$120/thùng sau thông tin các lãnh đạo EU thông qua thỏa thuận cấm vận 90% sản lượng dầu khí từ Nga từ đây đến cuối năm. Kế tiếp là nhóm Xây dựng với một số mã tăng nhẹ từ 1%-3% như HBC, FCN, LCG, VCG. Đà tăng của các nhóm ngày bù đắp cho sự suy giảm của các nhóm Ngân hàng, Bất động sản và Thép.

Khối ngoại hôm nay tiếp tục mua ròng khá mạnh với giá trị 430 tỷ. Chứng chỉ quỹ FUEVFVND được mua mạnh nhất với 215 tỷ, tiếp theo là VHM và DGC với giá trị lần lượt 63 tỷ và 47 tỷ.

Phiên giao dịch đi ngang khiến điểm số kỹ thuật suy giảm nhẹ. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset quay về mức +4, thể hiện trạng thái KHẢ QUAN trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,9x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	7	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

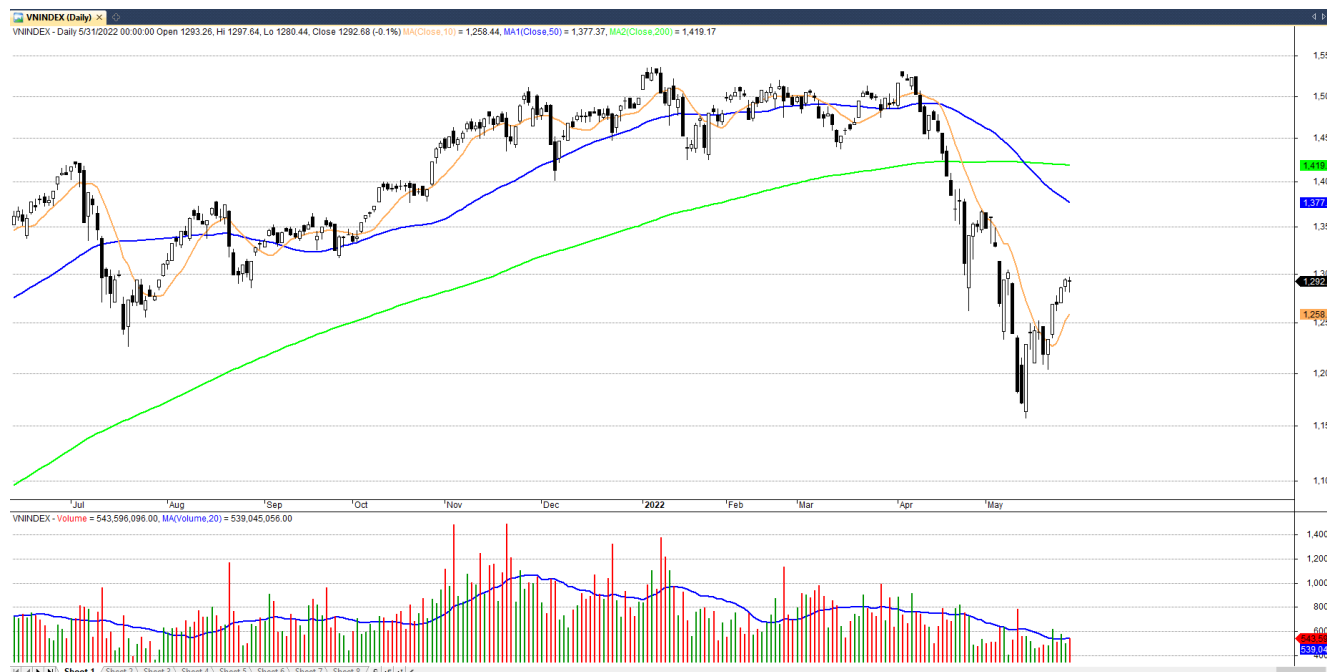
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	4	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	5	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (31/05/2022)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.320
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.240
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

VN-Index đang trong xu hướng phục hồi ở mức khá, ngưỡng kháng cự tiếp theo nằm quanh vùng 1.300–1.320.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

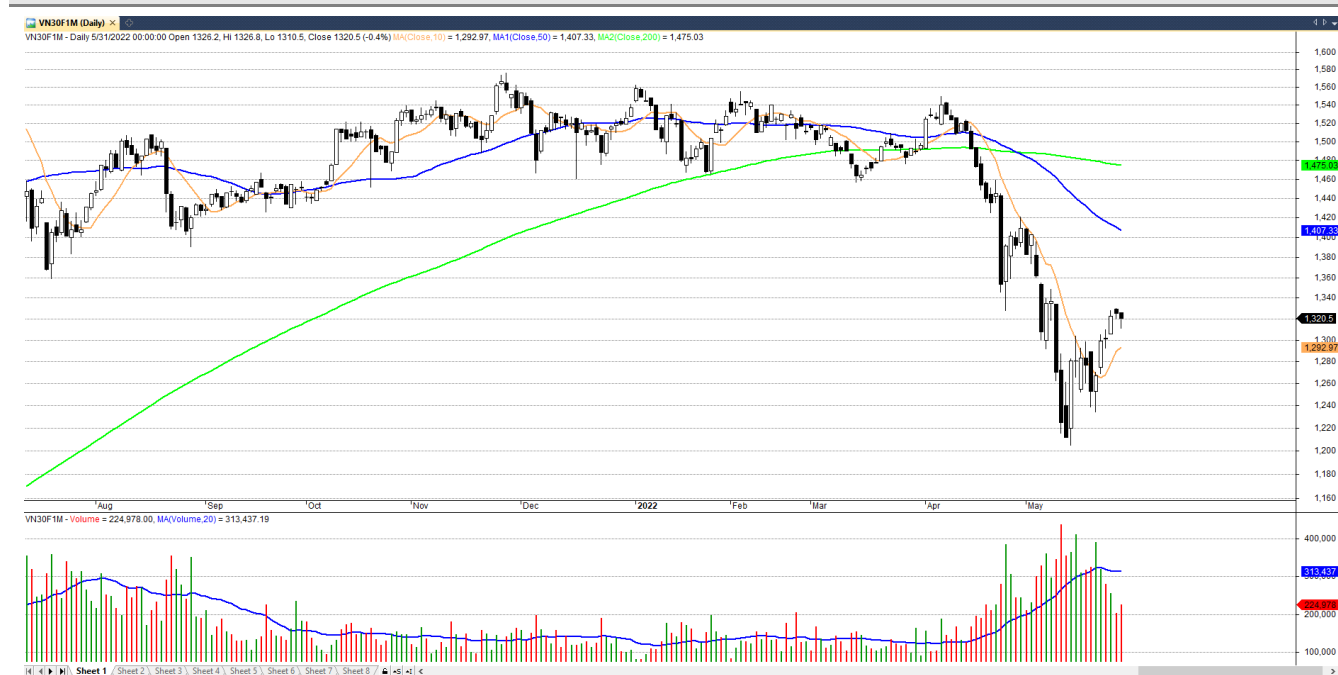
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (31/05/2022)	1.320	Kháng cự 1 1.330
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.400
VN30 - đóng cửa	1.332	Hỗ trợ 1 1.270
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-12,1	Hỗ trợ 2 1.240

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	+2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	+4	KHẢ QUAN

Phần lớn thời gian trong ngày VN30F1M chỉ giao dịch trong vùng giá đỡ và theo chiều giảm, điểm kỹ thuật intra-day giảm về mức trung tính.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
GAS	Dầu khí	117,700	734,800	95	5	Top sức mạnh ngành
HAH	Kho bãi, hậu cần	83,000	1,999,765	82	4	Top sức mạnh ngành
PTB	Vật liệu xây dựng	81,300	149,135	97	4	
KDC	Thực phẩm	62,400	1,462,355	86	5	
ANV	Thủy sản	52,800	1,794,190	93	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PVS	30.7	12,568,255	5	KHẢ QUAN	14,674	21.8	1.2	386
DPM	59.6	5,162,265	5	KHẢ QUAN	23,324	4.6	1.9	308
VHM	69.6	3,986,960	5	KHẢ QUAN	303,064	7.9	2.3	277
VND	25.25	10,326,745	5	KHẢ QUAN	30,751	7.3	1.9	261
BSR	26.8	8,613,180	5	KHẢ QUAN	82,473	12.6	2.2	231
DCM	37.25	5,743,760	5	KHẢ QUAN	19,720	6.6	2.2	214
IDC	54.4	2,984,245	5	KHẢ QUAN	16,320	24.9	3.9	162
POW	13.55	11,938,360	5	KHẢ QUAN	31,732	15.8	1.1	162
CTG	27.9	5,008,550	5	KHẢ QUAN	134,080	10.9	1.4	140
VRE	30.15	3,885,720	5	KHẢ QUAN	68,510	75.2	2.2	117
MSN	112.4	1,036,610	5	KHẢ QUAN	159,231	16.0	5.8	117
HBC	22.15	4,617,325	5	KHẢ QUAN	5,441	49.4	1.5	102
ANV	52.8	1,794,190	5	KHẢ QUAN	6,712	24.7	2.6	95
KDC	62.4	1,462,355	5	KHẢ QUAN	15,701	25.6	2.4	91
IDI	24.5	3,650,055	5	KHẢ QUAN	5,577	17.6	1.7	89
DGW	128	690,170	5	KHẢ QUAN	11,597	14.9	5.7	88
GAS	117.7	734,800	5	KHẢ QUAN	225,272	23.0	4.1	86
ITA	12.35	6,804,125	5	KHẢ QUAN	11,588	52.4	1.1	84
VCB	78.9	1,056,210	5	KHẢ QUAN	373,396	16.3	3.2	83
HQC	6.21	11,742,275	5	KHẢ QUAN	2,960	364.6	0.7	73
HDB	26.1	2,584,745	5	KHẢ QUAN	52,519	8.1	1.7	67
PLX	44	1,417,930	5	KHẢ QUAN	55,906	22.6	2.2	62
HDG	51.4	1,163,460	5	KHẢ QUAN	10,477	9.9	2.3	60
FCN	18.1	2,985,270	5	KHẢ QUAN	2,850	50.7	1.1	54
PVC	25.3	1,984,925	5	KHẢ QUAN	1,265	585.6	1.7	50
PC1	37.05	1,268,575	5	KHẢ QUAN	8,713	11.4	1.8	47
TTF	9.72	4,630,200	5	KHẢ QUAN	3,825	69.9	9.6	45
SSI	29.65	18,325,384	4	KHẢ QUAN	29,435	9.8	2.0	543
DIG	60.4	8,298,480	4	KHẢ QUAN	30,193	28.6	4.0	501
STB	22.35	19,910,560	4	KHẢ QUAN	42,135	10.7	1.2	445
VPB	31	12,334,305	4	KHẢ QUAN	137,810	8.0	1.6	382

DGC	223.6	1,471,760	4	KHẢ QUAN	38,253	11.8	5.3	329
GEX	23.75	12,509,850	4	KHẢ QUAN	20,223	17.6	1.6	297
TCB	37.15	7,114,945	4	KHẢ QUAN	130,430	6.8	1.3	264
DXG	27.65	8,569,655	4	KHẢ QUAN	16,798	18.4	1.8	237
MBB	27.75	8,524,250	4	KHẢ QUAN	104,848	7.7	1.6	237
NVL	78	2,876,125	4	KHẢ QUAN	152,083	36.0	4.2	224
HSG	22.8	9,690,815	4	KHẢ QUAN	11,251	3.2	1.0	221
MWG	144.9	1,319,395	4	KHẢ QUAN	106,046	20.6	4.7	191
NKG	29.95	6,290,010	4	KHẢ QUAN	6,571	2.6	1.1	188
HAH	83	1,999,765	4	KHẢ QUAN	5,669	10.3	3.4	166
SHS	18.2	8,999,345	4	KHẢ QUAN	7,936	5.9	1.4	164
VCI	39	4,106,505	4	KHẢ QUAN	12,987	8.0	1.8	160
SHB	14.8	10,477,505	4	KHẢ QUAN	39,470	6.2	1.0	155
GMD	55.8	2,732,540	4	KHẢ QUAN	16,817	24.7	2.5	152
FRT	123.9	1,156,380	4	KHẢ QUAN	9,786	16.9	5.4	143
PDR	54.8	2,386,030	4	KHẢ QUAN	36,806	19.7	5.0	131
HAG	9.22	12,170,635	4	KHẢ QUAN	8,551	16.7	1.9	112
TPB	32.35	3,327,130	4	KHẢ QUAN	51,170	9.8	1.9	108
HUT	31	3,269,195	4	KHẢ QUAN	10,808	59.0	2.7	101
VCG	27.25	3,632,110	4	KHẢ QUAN	12,037	14.4	1.8	99
ACB	31.55	3,082,305	4	KHẢ QUAN	85,246	8.2	1.8	97
VJC	130.9	637,770	4	KHẢ QUAN	70,897	362.1	4.1	83
LPB	15	5,475,165	4	KHẢ QUAN	22,554	6.8	1.2	82
VIX	13.1	6,057,170	4	KHẢ QUAN	7,194	6.4	1.2	79
ASM	18	4,315,010	4	KHẢ QUAN	6,057	8.7	1.2	78
HDC	61	1,259,325	4	KHẢ QUAN	5,275	15.8	3.5	77
TNG	30.1	2,475,610	4	KHẢ QUAN	2,790	10.3	1.9	75
CTR	81.7	854,900	4	KHẢ QUAN	7,592	19.3	5.4	70
TCH	13.65	4,401,640	4	KHẢ QUAN	9,121	17.3	1.0	60
SCR	13.55	4,259,810	4	KHẢ QUAN	4,964	23.8	1.0	58
LDG	13.9	4,125,300	4	KHẢ QUAN	3,328	24.5	1.0	57
LCG	15.35	3,537,730	4	KHẢ QUAN	2,646	13.4	1.1	54
AAA	12.6	4,126,360	4	KHẢ QUAN	4,113	12.8	0.9	52
KSB	33.8	1,430,750	4	KHẢ QUAN	2,579	12.0	1.4	48
BID	35.3	1,337,260	4	KHẢ QUAN	178,566	15.6	2.1	47
VGC	40.1	1,157,860	4	KHẢ QUAN	17,979	10.9	2.3	46
KDH	42.05	1,084,625	4	KHẢ QUAN	27,036	22.4	2.6	46
GVR	25.2	1,807,150	4	KHẢ QUAN	100,800	22.9	2.0	46
SBT	17.5	2,490,985	4	KHẢ QUAN	11,010	15.3	1.3	44
PET	41	920,585	4	KHẢ QUAN	3,683	12.8	1.9	38
CMX	19.5	1,882,230	4	KHẢ QUAN	1,771	13.1	1.6	37
DBC	26	1,329,940	4	KHẢ QUAN	5,992	12.7	1.3	35
GIL	69.5	491,960	4	KHẢ QUAN	4,170	7.9	1.7	34
VIB	26.8	1,239,250	4	KHẢ QUAN	56,193	8.4	2.2	33
PVD	22.9	7,296,860	3	TRUNG TÍNH	11,573	203.7	0.8	167
VIC	78.8	2,090,745	3	TRUNG TÍNH	300,538	#N/A N/A	2.9	165
KBC	44.5	3,377,700	3	TRUNG TÍNH	25,619	38.5	1.7	150
PVT	21.4	3,393,320	3	TRUNG TÍNH	6,926	10.3	1.3	73

MIG	28.85	2,251,840	3	TRUNG TÍNH	4,126	16.2	2.3	65
FPT	109.9	2,325,705	2	TRUNG TÍNH	100,470	21.3	5.2	256
CEO	44.2	4,784,440	2	TRUNG TÍNH	11,374	77.5	3.7	211
VHC	102.8	1,834,885	2	TRUNG TÍNH	18,704	12.3	3.0	189
VNM	71.7	2,244,685	2	TRUNG TÍNH	149,850	16.3	4.7	161
NLG	47.75	2,832,925	2	TRUNG TÍNH	18,285	25.1	2.1	135
BCG	21	6,038,810	2	TRUNG TÍNH	10,569	9.5	1.7	127
CII	22.2	5,468,410	2	TRUNG TÍNH	5,599	17.5	1.0	121
REE	90.5	1,335,740	2	TRUNG TÍNH	32,164	15.1	2.4	121
HCM	23.75	4,461,885	2	TRUNG TÍNH	10,859	9.1	1.4	106
PNJ	114.9	823,400	2	TRUNG TÍNH	27,848	21.1	3.5	95
VSC	47.5	1,296,220	2	TRUNG TÍNH	5,237	15.7	1.9	62
IDJ	20.6	2,396,720	2	TRUNG TÍNH	3,029	12.8	1.8	49
VGT	19.2	1,782,405	2	TRUNG TÍNH	9,650	12.3	1.4	34
BVH	52.6	1,837,295	0	TRUNG TÍNH	39,046	20.8	1.8	97
VPI	61.5	1,248,010	0	TRUNG TÍNH	13,530	33.4	4.4	77
APS	20.8	1,771,525	0	TRUNG TÍNH	1,726	2.8	1.2	37
FLC	6.11	11,823,760	-2	TRUNG TÍNH	4,338	#N/A N/A	0.5	72
HPG	34.7	21,281,044	-4	TIÊU CỰC	155,210	4.7	1.6	738
ROS	4.11	10,650,820	-4	TIÊU CỰC	2,333	24.6	0.4	44
PVX	5.1	6,932,505	-6	TIÊU CỰC	2,040	28.2	7.3	35

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc công bố dữ liệu sản xuất, chứng khoán châu Á giảm

Chứng khoán châu Á đồng loạt giảm điểm trong phiên giao dịch buổi sáng ngày 31/5. Hoạt động sản xuất của Trung Quốc tiếp tục giảm trong tháng 5, nhưng với tốc độ chậm hơn tháng trước đó. Tại Trung Quốc đại lục, chỉ số Shanghai Composite giảm 0,06%, trong khi chỉ số Shenzhen Component giảm 0,135%. Chỉ số Hang Seng của Hong Kong giảm 0,15%. Chỉ số Quản lý thu mua (PMI) lĩnh vực sản xuất tháng 5 của Trung Quốc đạt 49,6 điểm, cải thiện hơn so với tháng 4 (47,4 điểm) nhưng vẫn trong xu hướng giảm khi thấp hơn ngưỡng ranh giới 50 điểm. Tuy nhiên, dữ liệu thực tế cao hơn dự báo 48,6 điểm của Reuters.

Bộ trưởng Công Thương: Chưa xem xét đến việc bỏ quy hoạch điện hạt nhân

Tham gia thảo luận, giải trình làm rõ một số nội dung đại biểu Quốc hội quan tâm liên quan đến thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng Công Thương Nguyễn Hồng Diên cho biết tới thời điểm này, những tồn tại, hạn chế của Bộ Công Thương trong công tác quy hoạch chủ yếu là chưa đạt tiến độ lập quy hoạch ngành quốc gia so với yêu cầu và kỳ vọng. Giải trình về ý kiến của các đại biểu Đặng Mỹ Hương (Ninh Thuận), Trương Trọng Nghĩa (Thành phố Hồ Chí Minh) về bỏ quy hoạch địa điểm xây dựng điện hạt nhân Ninh Thuận, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên cho biết cấp có thẩm quyền đã cho chủ trương và Quốc hội đã biểu quyết nghị quyết về tạm dừng xây dựng điện hạt nhân Ninh Thuận. Như vậy, Nghị quyết là tạm dừng chứ không phải hủy bỏ cho nên về nguyên tắc, chưa có cơ sở để bỏ quy hoạch điện hạt nhân. Mặt khác, theo Bộ trưởng, địa điểm này đã được các đối tác, ngành Công Thương cùng các ngành có liên quan đã nghiên cứu rất kỹ và khẳng định Ninh Thuận là địa điểm phù hợp nhất cho việc phát triển điện hạt nhân. Báo cáo làm rõ hơn về vấn đề này với Quốc hội, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên nhấn mạnh điện hạt nhân là vấn đề hệ trọng, chỉ cấp có thẩm quyền mới có thể quyết định được. Bộ Công Thương đã tham mưu cho Chính phủ và các đồng chí lãnh đạo cấp cao việc hiện thể giới đã phải quay lại để phát triển điện hạt nhân, nhằm thực hiện các cam kết ở Hội nghị Các bên tham gia công ước Khung của Liên hợp quốc lần thứ 26 về phát triển năng lượng sạch. Theo đó, để khai thác các nguồn năng lượng tái tạo như mặt trời và năng lượng gió, cần có một hệ thống điện nền ổn định. Điện nền ở Việt Nam hiện nay chỉ có thể là nhiệt điện than hoặc thủy điện. Nhiệt điện than đã không còn điều kiện để phát triển, thủy điện cũng hết dư địa phát triển, do đó xu hướng tất yếu là phải tính đến điện hạt nhân. Thông tin thêm, Bộ trưởng cho biết, Hoa Kỳ và Đức từ 3 năm trước đã khởi động quá trình giảm điện hạt nhân nhưng đến nay, chính hai quốc gia này đang phải xây dựng lộ trình để phát triển mạnh hơn điện hạt nhân, làm cơ sở cho việc phát triển, khai thác và phát triển năng lượng tái tạo. “Vì vậy, chúng tôi kiên trì kiến nghị với Chính phủ và Chính phủ cũng đã báo cáo với Quốc hội về quy hoạch địa điểm để phát triển điện hạt nhân là khu vực Ninh Thuận. Do đó, chúng ta chưa nên xem xét và cần đợi cấp có thẩm quyền quyết định việc phát triển điện hạt nhân”, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên phát biểu.

NVL: bán gần 5.800 tỷ đồng trái phiếu cho 2 nhà đầu tư nước ngoài

Địa ốc No Va (Novaland, HoSE: NVL) thông báo chào bán thành công 5.543 trái phiếu chuyển đổi và 231 trái phiếu kèm chứng quyền với tổng giá trị 5.774 tỷ đồng, tương đương 98,3% tổng giá trị dự kiến phát hành cho 2 nhà đầu tư chuyên nghiệp nước ngoài. Trái phiếu phát hành ngày 19/5. Cụ thể, Dallas Vietnam Gamma đã mua vào 4.435 trái phiếu chuyển đổi và 185 trái phiếu kèm chứng quyền, còn Credit Suisse AG Singapore Branch đã mua lần lượt 1.108 đơn vị và 46 đơn vị. Số trái phiếu chuyển đổi dự kiến phát hành của Novaland là 5.640 đơn vị. Giá bán là 1 tỷ đồng, có thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành với lãi suất cố định là 10%/năm. Kỳ trả lãi định kỳ sẽ là 6 tháng 1 lần kể từ ngày phát hành. Giá chuyển đổi sẽ là 93.960 đồng/cổ phiếu, tức 1 trái phiếu sẽ đổi ra 10.643 cổ phiếu. Số trái phiếu kèm chứng quyền đơn vị này dự kiến phát hành là 235 đơn vị. Giá bán cũng là 1 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm, lãi suất cố định ở mức 8%/năm. Các điều khoản kèm theo là nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có thể hiện quyền hoặc có thể yêu cầu tổ chức phát hành mua lại và hủy toàn bộ hoặc một phần chứng quyền tại bất kỳ ngày nào sau khi kết thúc thời hạn 1 năm từ ngày phát hành. Tỷ lệ thực quyền ban đầu là 1:1,31 (tương đương 1 chứng quyền có quyền mua 1,31 cổ phiếu). Giá thực hiện chứng quyền ban đầu là 76.984 đồng/cổ phiếu và có thể điều chỉnh.

BCG: lấy ý kiến chào bán cổ phiếu cho cổ đông và đấu giá ra công chúng

Bamboo Capital (HoSE: BCG) thông báo ngày 13/6 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến. Thời gian lấy ý kiến từ ngày 22/6 đến ngày 11/7. Nội dung lấy ý kiến gồm tờ trình thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tờ trình thông qua chào bán cổ phiếu ra công chúng theo hình thức bán đấu giá cổ phần và các vấn đề khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Thông tin chi tiết chưa được tiết lộ. Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022, ban lãnh đạo Bamboo Capital đã công bố kế hoạch chào bán hơn 266 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá 10.000 đồng/cp và chào bán 250 triệu cổ phiếu ra công chúng theo hình thức bán đấu giá. Với phương án bán đấu giá, giá chào bán khởi điểm bằng tối thiểu 70% giá khởi điểm bình quân của 60 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán của cổ phiếu BCG tính đến ngày ra nghị quyết chào bán. Vốn điều lệ dự kiến tăng từ 5.033 tỷ đồng lên 10.500 tỷ đồng sau các phương án phát hành. Doanh nghiệp dự kiến góp 5.000 tỷ đồng vào BCG Financial để tăng vốn cho Bảo hiểm AAA và đầu tư thêm mảng fintech cho Công ty Bamoo ID để phát triển ứng dụng ngân hàng số, đầu tư dài hạn vào mảng ngân hàng và M&A các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính.

FPT: chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 30%

FPT (HoSE:FPT) thông báo ngày 14/6 là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền và cổ phiếu, tổng tỷ lệ 30%. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ chia cổ tức tiền mặt còn lại của năm 2021 tỷ lệ 10%, mỗi cổ phiếu được nhận 1.000 đồng. Với 914 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự chi 914 tỷ đồng để thanh toán cổ tức tiền mặt. Ngày thanh toán dự kiến là 27/6. Cùng với đó, FPT sẽ phát hành 182,8 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 20% trả cổ tức. Vốn điều lệ tăng từ 9.142 tỷ đồng lên 10.970 tỷ đồng.

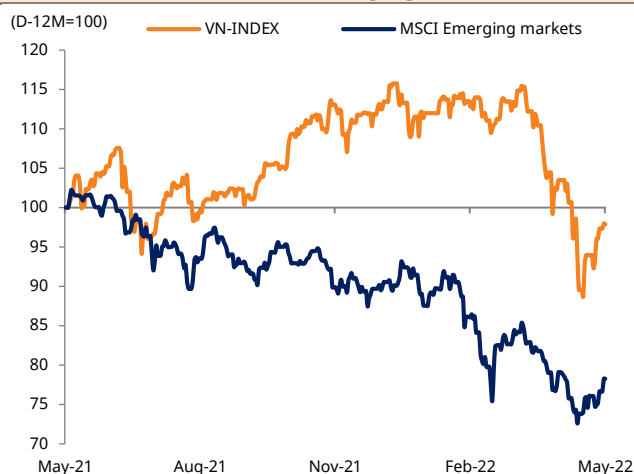
CMX: chuẩn bị phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 10%

Camimex Group (HoSE: CMX) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, tỷ lệ 10%. Theo đó, doanh nghiệp dự kiến phát hành 9 triệu cổ phiếu để tăng vốn lên từ 908 tỷ đồng lên 999 tỷ đồng. Ngoài ra, Camimex Group sẽ phát hành 2 triệu cổ phiếu theo chương trình người lao động, trong đó 900.000 cổ phiếu là thưởng ESOP và 1,1 triệu đơn vị là chào bán giá 10.000 đồng/cp. Cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. 2 đợt phát hành sẽ được thực hiện đồng thời, thời gian trong năm 2022 sau khi được UBCK chấp thuận. Vốn điều lệ dự kiến tăng lên 1.019 tỷ đồng.

Bản tin thị trường

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



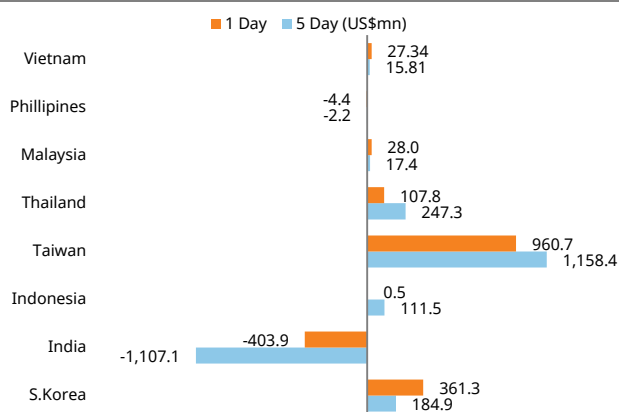
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



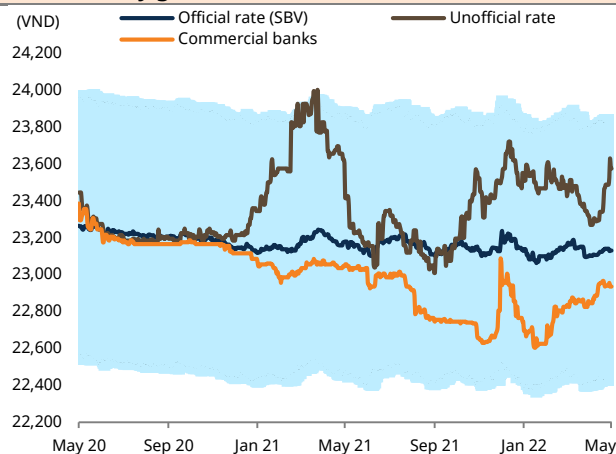
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



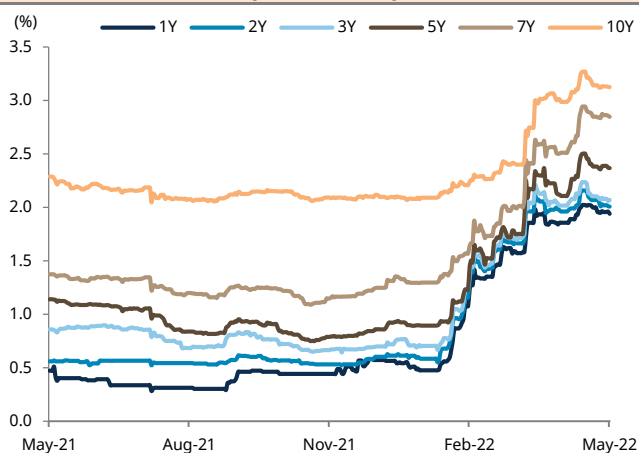
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



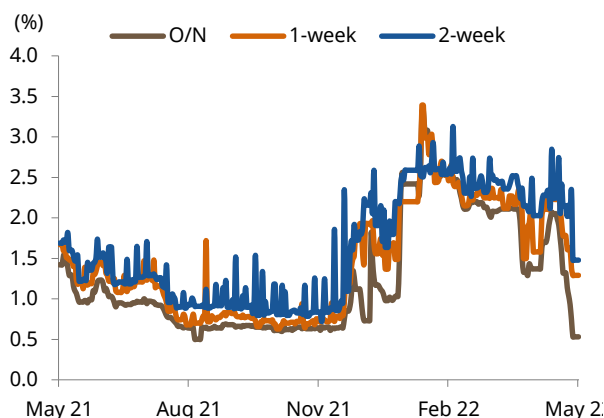
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,332.59	3,527,815		-0.8	1.8	-6.0	-9.6	12.5	11.0	2.4	1.9	38.5	14.0	19.6	21.0
Asia Commercial Bank	ACB VN	31,550	85,246	30.0	-1.3	4.0	-3.5	-4.7	9.0	7.8	1.9	1.5	24.6	15.0	23.5	25.1
BIDV	BID VN	35,300	178,566	16.8	-1.3	0.6	-5.2	-8.8	20.4	13.1	2.1	1.9	50.3	56.2	11.0	15.7
Bao Viet Holdings	BVH VN	52,600	39,046	26.3	-1.7	-1.7	-15.3	-2.8	20.6	#N/A	1.8	#N/A	21.8	#N/A	9.2	#N/A
VietinBank	CTG VN	27,900	134,080	26.1	2.2	4.5	0.5	-32.2	9.5	6.4	1.4	1.3	18.2	47.9	15.8	20.8
FPT Corp	FPT VN	109,900	100,470	49.0	-1.3	4.1	4.7	29.1	25.3	22.8	5.6	4.8	21.5	10.7	23.4	26.1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	117,700	225,272	2.9	7.0	9.4	11.0	42.5	27.0	18.6	4.4	4.3	8.1	45.4	16.8	22.2
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,200	100,800	0.5	-1.0	-0.6	-12.7	-11.9	24.2	#N/A	2.1	#N/A	10.3	#N/A	8.7	#N/A
HDBank	HDB VN	26,100	52,519	16.5	1.0	2.2	3.2	-3.5	8.6	7.1	1.8	1.4	42.5	21.1	23.3	22.2
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	34,700	155,210	21.1	-2.1	-0.9	-19.9	-34.2	4.8	5.0	1.7	1.3	151.5	-3.7	42.8	31.8
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	42,050	27,036	32.4	-0.8	1.4	-12.2	17.2	23.5	19.8	2.7	2.3	3.1	18.7	12.2	13.1
MBBank	MBB VN	27,750	104,848	23.2	-1.2	0.4	-6.9	-1.4	8.3	6.9	1.8	1.4	53.0	19.5	23.6	24.4
Masan Group Corp	MSN VN	112,400	159,231	28.7	2.2	3.5	-3.1	22.5	18.6	27.9	4.9	4.2	589.7	-33.4	35.1	16.5
Mobile World Investment Corp	MWG VN	144,900	106,046	49.0	-0.2	4.2	-2.9	56.9	21.0	16.6	5.1	4.4	18.2	26.3	27.3	28.4
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,000	152,083	6.3	-0.9	0.0	-4.9	3.0	42.9	29.2	4.3	3.7	-18.7	46.9	10.6	15.4
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	54,800	36,806	2.3	-0.9	2.2	-11.8	-3.0	20.4	#N/A	5.2	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	44,000	55,906	17.1	1.4	3.4	-8.3	-19.4	24.6	16.3	2.2	1.6	160.6	51.3	9.7	13.8
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	114,900	27,848	52.2	-4.6	0.5	6.4	13.9	27.4	18.7	4.3	3.3	-2.6	46.3	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,550	31,732	2.1	0.7	3.0	3.0	15.3	17.9	18.4	1.1	1.0	-24.2	-2.8	6.2	5.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	153,500	98,437	62.6	0.1	0.3	-5.3	-1.3	27.9	22.2	4.6	4.2	-22.9	25.5	17.1	20.1
SSI Securities Corp	SSI VN	29,650	29,435	34.5	-0.8	0.7	-11.6	1.1	11.4	12.1	2.1	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	22,350	42,135	20.7	-2.0	-0.2	-19.3	-33.9	13.7	#N/A	1.2	1.1	30.6	#N/A	9.5	13.2
Techcombank	TCB VN	37,150	130,430	22.5	-1.6	1.2	-15.6	-30.8	7.2	6.1	1.4	1.2	46.1	17.8	21.7	20.4
Tien Phong Bank	TPB VN	32,350	51,170	29.9	-2.0	2.4	-3.7	16.6	10.0	#N/A	2.0	1.6	28.5	#N/A	22.6	22.4
Vietcombank	VCB VN	78,900	373,396	23.6	1.2	2.9	-2.5	2.1	18.8	14.2	3.4	2.7	19.7	32.1	19.6	21.1
Vinhomes JSC	VHM VN	69,600	303,064	23.3	-1.3	1.3	7.1	-11.8	7.7	9.4	2.4	2.0	40.9	-17.6	36.9	23.4
Vingroup JSC	VIC VN	78,800	300,538	12.5	0.4	1.4	-1.5	-24.6	#N/A	#N/A	2.9	2.9	-145.6	62.6	-2.8	-1.1
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	130,900	70,897	16.8	-1.2	4.7	0.8	19.0	941.7	57.6	4.2	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,700	149,850	54.5	-1.1	0.6	-3.4	-20.8	15.9	16.3	4.5	4.4	-5.3	-2.9	29.3	27.7
VPBank	VPB VN	31,000	137,810	17.4	-1.9	-0.2	-15.5	-19.4	11.7	7.1	1.8	1.4	11.6	65.3	17.9	21.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	30,150	68,510	31.0	0.7	1.9	-2.4	2.6	52.2	30.1	2.2	2.1	-44.8	73.4	4.4	7.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	-1.24	5,131,527	-0.1	1.9	-5.4	-2.7	35.3	17.6	14.9	12.7
Ô tô và phụ tùng	0.04	9,501	1.8	4.2	1.2	28.8	-0.1	11.9	15.8	14.1
Ngân hàng	-2.19	1,563,909	-0.5	1.7	-6.3	-9.8	33.7	34.7	11.3	8.4
Xây dựng cơ bản	-0.59	260,470	-0.7	2.2	-5.4	46.7	20.3	23.3	15.4	12.5
Dịch vụ thương mại	0.02	5,435	1.5	2.9	-0.8	23.5	-5.1	12.5	16.1	14.4
May mặc và trang sức	-0.32	54,544	-2.2	0.7	-2.9	20.6	11.4	40.4	20.7	14.8
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	7,684	0.1	1.2	-8.8	9.7	244.8	584.6	146.9	21.5
Dịch vụ tài chính	-0.19	129,375	-0.6	1.0	-13.4	6.5	139.0	8.6	8.5	7.8
Dầu khí	0.36	78,314	1.8	3.5	-4.4	-7.6	83.2	51.4	22.9	15.1
Thực phẩm, đồ uống	0.52	533,612	0.5	2.0	-3.2	13.2	26.1	7.6	20.5	19.0
Y tế	-0.02	3,198	-2.4	0.1	-13.2	54.6	45.2	36.6	26.4	19.3
Bảo hiểm	-0.19	52,870	-1.4	-1.1	-13.2	11.0	27.1	10.6	17.8	16.1
Nguyên vật liệu	-0.27	432,161	-0.2	0.4	-14.2	21.6	118.7	-12.8	7.7	8.8
Dược phẩm	0.04	30,480	0.5	0.7	-5.3	5.6	9.1	4.7	16.8	16.0
Bất động sản	-1.40	1,143,569	-0.5	1.0	-2.2	-1.0	7.8	14.2	20.8	18.3
Bán lẻ	-0.21	123,928	-0.6	3.6	-3.9	81.6	33.8	26.8	20.3	16.1
Phần mềm và dịch vụ	-0.35	108,005	-1.2	3.9	3.8	32.1	22.6	19.3	25.4	21.3
Vận tải	-0.61	195,221	-1.2	3.1	-4.4	33.3	-1.5	76.2	#N/A	#N/A
Tiện ích	4.09	361,450	4.8	7.0	6.6	35.5	10.1	-13.8	20.4	23.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	117,700	7.0	2,358,100	3.7
VCB VN	78,900	1.2	483,700	1.1
MSN VN	112,400	2.2	1,265,300	0.9
CTG VN	27,900	2.2	6,057,500	0.7
DGC VN	223,600	4.0	1,301,500	0.4
DCM VN	37,250	6.9	9,072,500	0.3
DPM VN	59,600	5.5	8,187,000	0.3
VIC VN	78,800	0.4	1,776,600	0.3
KDC VN	62,400	6.8	1,909,500	0.3
PLX VN	44,000	1.4	2,119,400	0.2

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	69,600	-1.3	3,692,900	-1.0
HPG VN	34,700	-2.1	18,840,200	-0.9
VPB VN	31,000	-1.9	10,284,800	-0.7
BID VN	35,300	-1.3	1,027,300	-0.6
TCB VN	37,150	-1.6	5,119,800	-0.5
VNM VN	71,700	-1.1	2,058,700	-0.4
REE VN	90,500	-4.4	1,322,800	-0.4
NVL VN	78,000	-0.9	2,305,900	-0.3
PNJ VN	114,900	-4.6	1,533,900	-0.3
MBB VN	27,750	-1.2	5,285,900	-0.3

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.